

ĐỐI CHIẾU HỆ THỐNG PHỤ ÂM ĐƠN Ở VỊ TRÍ ĐẦU TỪ ĐƠN TIẾT TRONG TIẾNG STIÊNG VÀ TIẾNG KHMER

NGUYỄN THỊ HUỆ¹
ĐIỀU XUÂN GIÂN²

Abstract: Stiêng and Khmer are languages of two ethnic groups out of 54 ethnic minorities in Vietnam. They both belong to the Mon-Khmer branch of the Austroasiatic language family, and therefore share common features. In Bình Phước province where a lot of Stiêng people are living, the Stiêng language is widely used in families. Besides, the location is close to the border with Cambodia, so Khmer is also quite popular. In this research, the author focuses on comparing and contrasting the initial consonants in monosyllable words of Stiêng and Khmer. The basic difference between the initial consonants in Stiêng and Khmer is that the number of initial consonants in Stiêng is much more than in Khmer; and there is absolutely no pre-vocalized stop in Khmer such as /ʔb-/, /ʔd-/, /ʔj-/. This aims at forming a repository of research materials on ethnic languages and providing a useful reference for teachers and learners of Stiêng or Khmer as well.

Keywords: *Stiêng, Khmer, initial consonant, monosyllable.*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp giữa người với người, giữa các quốc gia. Stiêng và Khmer là ngôn ngữ của cộng đồng người Stiêng và người Khmer cùng đang sinh sống ở Việt Nam và là ngôn ngữ cùng thuộc họ Nam Á, nhánh Môn - Khmer. Để xác định mối quan hệ giữa các ngôn ngữ cần dựa vào nhiều yếu tố và phương tiện thông qua việc đối chiếu các ngôn ngữ với nhau.

Góp phần làm sáng tỏ một trong những vấn đề nêu trên, tác giả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu như: (1) Trình bày hệ thống phụ âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer; (2) So sánh, đối chiếu những nét tương đồng và dị biệt trong hệ thống phụ âm đầu giữa hai ngôn ngữ.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Đối với tiếng Stiêng

Các công trình nghiên cứu về hệ thống ngữ âm tiếng Stiêng đa phần đều là các công trình nghiên cứu của các tác giả người nước ngoài, có rất ít công trình của các tác giả trong nước hay chính người Stiêng nghiên cứu.

Theo Ralph Haupers [7, tr. 134] Stiêng gồm có 17 nguyên âm (15 nguyên âm đơn /i, e, ɛ, ɛ:, ɨ, ɨ:, ʌ, ʌ:, a, a:, u, o:, ɐ, ɔ:/ và 2 nguyên âm đôi /iə, uə/) và 25 phụ âm /p, t, c, k, b, d, j, g, m, n, ɲ, ɳ, r, l, ʔb, ʔd, ʔj, ʔm, ʔn, ʔl, w, y, ʔ, s, h/; Có 2 âm tiết, gồm tiền âm tiết (presyllables) và âm tiết chính (main syllables).

Tiền âm tiết được kí hiệu bằng POS, trong đó đảm nhận vị trí P có thể là các phụ âm tắc hoặc phụ âm xát /s/, ở vị trí O là một nguyên âm trung hòa và S là một âm vị âm tiết tính (tự nó tạo nên một âm tiết, không cần có nguyên âm) (syllabic consonant).

Âm tiết chính được kí hiệu bằng CHWVF, trong đó đảm nhận vị trí C là tất cả các phụ âm, ở vị trí H là các phụ âm /h, w, l, r/, ở vị trí W là phụ âm /w, l/ và ở vị trí V là các nguyên âm đảm nhận, cuối cùng đảm nhận ở vị trí F là bất kì các phụ âm ngoại trừ các phụ âm tắc hữu thanh (voiced stops) hoặc phụ âm thanh hầu hóa (glottalized consonants). Một tổ hợp gồm hai hoặc ba phụ âm (consonant clusters) có thể xuất hiện trong âm tiết chính.

Các từ trong tiếng Stiêng có thể là đơn tiết hoặc song tiết, các từ song tiết có trọng âm rơi vào âm tiết chính [11].

Theo Noëllie Bon [6, tr.30] hệ thống phụ âm đầu trong tiếng Stiêng gồm 30 âm /p-, t-, c-, k-, ʔ-, ph-, th-, ch-, kh-, b-, d-, j-, g-, ɓ-, d̥-, mb-, nd-, nd̥-, nt-, ɲg-, ɲk-, s-, h-, m-, n-, ɲ-, ɳ-, w-, l-, r-, j-/.

¹ Trường Đại học Trà Vinh.

² Sinh viên lớp Ngôn ngữ Khmer, Trường Đại học Trà Vinh, năm 2018.

Các từ đơn trong tiếng Stiêng có thể là từ đơn đơn tiết hoặc cận âm tiết (sesquisyllabic). Âm tiết tiếng Stiêng được chia thành hai loại: âm tiết yếu hay âm tiết phụ (weak syllable) và âm tiết chính (main syllable). Âm tiết phụ được phát âm nhẹ và có cấu trúc là: (C(C)-ə(C)), trong đó đảm nhận vị trí âm đầu có thể là phụ âm đơn (C) hoặc tổ hợp phụ âm (C(C)); âm chính là một nguyên âm trung hòa /ə/ không mang trọng âm, nguyên âm này có thể bị mất đi trong quá trình thực hiện lời nói, kết quả là âm tiết phụ có thể giảm xuống thành một âm duy nhất và âm này sẽ được kết hợp với âm đầu của âm tiết thứ hai tạo thành tổ hợp âm đầu của âm tiết thứ hai và từ từ song tiết chuyển sang từ đơn tiết; đảm nhận vị trí âm cuối trong âm tiết phụ là các phụ âm đơn. Âm tiết chính được phát âm mạnh và có cấu trúc âm tiết: C(C)-V(C), âm đầu có thể là phụ âm đơn (C) hoặc tổ hợp phụ âm (C(C)); đảm nhận vị trí âm chính (V) có thể là nguyên âm ngắn, dài hoặc nguyên âm đôi; âm cuối là các phụ âm đơn. Cấu trúc âm tiết tổng quát của tiếng Stiêng: (C(C)-ə(C)).C(C)-V(C), trong đó (C) là phụ âm, /ə/ là nguyên âm trung hòa của âm tiết phụ và (V) là nguyên âm của âm tiết chính.

Theo các nghiên cứu về phương ngữ tiếng Stiêng của Nguyễn Thị Thu Trang [5], Lê Khắc Cường [1], Lý Tùng Hiếu [2], tiếng Stiêng có hai phương ngữ là Stiêng Bu Lơ và Stiêng Bu Dêh. Stiêng Bu Lơ có hai nhóm chính là nhóm Bu Lơ ở Phước Long và nhóm Bu Lơ ở Bù Đăng. Stiêng Bu Dêh có hai nhóm chính là nhóm Bu Dêh ở Bình Long và nhóm Bu Dêh ở Lộc Ninh. Về cơ bản, cơ cấu ngữ âm của hai phương ngữ Bu Lơ và Bu Dêh là giống nhau. Tỷ lệ từ đơn tiết/từ song tiết giữa hai phương ngữ khá tương đồng. Ở phương ngữ Stiêng Bu Lơ có 24 phụ âm đầu so với 27 phụ âm đầu trong tiếng Stiêng Bu Dêh (phương ngữ này có thêm ba phụ âm /lʔl/, /mʔm/, /nʔn/).

2.2. Đối với tiếng Khmer

Tiếng Khmer có hệ thống chữ cái với 33 phụ âm và trên 30 nguyên âm [12]; [8]. Các phụ âm tiếng Khmer chia thành 2 dòng (series) thay đổi theo nguyên âm đi cùng. Nguyên âm chia thành nguyên âm độc lập và nguyên âm không độc lập, bao gồm các nguyên âm đơn và nguyên âm đôi [13, tr.420]. Một số đặc trưng phát âm trong tiếng Khmer là sử dụng các âm khép như /b/ và /d/, tổ hợp phụ âm đầu như /lk-/ , /kɲ-/ và /ʔv-/ [10, tr. 72].

Khi đối chiếu những điểm tương đồng và khác biệt về mặt âm vị giữa tiếng Việt và tiếng Khmer trên bình diện từ vựng, các tác giả đề cập đến hệ thống phụ âm, nguyên âm, âm tiết và đặc điểm từ vựng tiếng Khmer [3], cụ thể là: âm đầu tiếng Khmer gồm 33 phụ âm đơn chia thành giọng O (15 âm), giọng Ô (18 âm) và nhiều tổ hợp phụ âm; âm chính tiếng Khmer gồm 12 nguyên âm đơn /i, ɜ, ɛ, u, a, ɔ, i, ɑ, ɐ, i:, o:, e:/ . Về âm tiết, từ tiếng Khmer đa phần là các từ đơn tiết hay một âm tiết rưỡi và song tiết, ngoài ra có các từ ba âm tiết, bốn âm tiết, năm âm tiết,...những từ này chủ yếu là các từ vay mượn từ tiếng Pali, Sanskrit, Anh, Pháp,...; từ tiếng Khmer không biến đổi hình thái, được tạo thành từ một, hai âm tiết và bằng các phương thức ghép, láy và phái sinh (thêm các phụ tố).

Tác giả Nguyễn Thị Thoa xác định số lượng phụ âm đầu tiếng Khmer là 21 âm, cụ thể [4]:

Stt	Phụ âm đầu	Chữ viết		Stt	Phụ âm đầu	Chữ viết		Stt	Phụ âm đầu	Chữ viết
1	/b/	ប ឋ		8	/β/	វ វ៉		15	/tʰ/	ត ធ ថ ធ
2	/ɲ/	ង ង		9	/l/	ល ឡ ល		16	/p/	ប ព
3	/ɲ/	ញ ញ		10	/k/	ក គ		17	/pʰ/	ផ ភ
4	/n/	ន ណ ៎		11	/kʰ/	ខ ឃ		18	/s/	ស សី
5	/m/	ម ម		12	/c/	ច ជ		19	/h/	ហ ហី
6	/j/	យ យ		13	/cʰ/	ឆ ឈ		20	/ʔ/	អ អី
7	/r/	រ រ		14	/t/	ត ទ				

Về số lượng âm tiết trong từ, phần lớn các từ tiếng Khmer là từ đơn âm tiết hoặc song tiết, các từ từ ba âm tiết trở lên là các từ vay mượn từ tiếng Sanskrit và Pali. Tiếng Khmer còn sử dụng phương thức phụ tố

trong cấu tạo từ (tiền tố, trung tố). Âm tiết tiếng Khmer có tổ hợp phụ âm đầu, các từ có tổ hợp phụ âm cuối là các từ gốc Pali và Sanskrit.

Các âm tiết tiếng Khmer thường có các mô hình cấu tạo:

Âm tiết đơn: CVC (ví dụ: កើត > [kast] - (sinh)); CV (ví dụ: តា > [ta:] - (ông)); CCVC (ví dụ: ផ្កា > [c^hnan] - (cái nôi)),...

Âm tiết kép: CVCCVC (ví dụ: កង្កែប > [kan^hkaep] - (con ếch), កង្រ្កាប > [kansaeŋ] - (khăn)),...

Jean-Michel Filippi và Hiep Chan Vicheth [9] xác định phụ âm tiếng Khmer gồm 17 âm /p, b, t, d, c, k, ʔ, m, n, ɲ, ŋ, s, h, r, β, j, l/.

Trong công trình nghiên cứu của mình, hai tác giả đã giải thích lí do vì sao hệ thống phụ âm trong tiếng Khmer không có các phụ âm bật hơi /p^h, t^h, c^h, k^h/, điều này khác với các công trình nghiên cứu của các tác giả khác, theo hai tác giả đứng trên quan điểm của ngữ âm học thì hệ thống phụ âm tiếng Khmer bao gồm cả các phụ âm /p^h, t^h, c^h, k^h/ còn đứng trên quan điểm của âm vị học thì /p^h; t^h; c^h; k^h/ là các phụ âm được tạo thành từ hai âm vị: /p/ + /h/ → /p^h/, /t/ + /h/ → /t^h/, /c/ + /h/ → /c^h/, /k/ + /h/ → /k^h/; Về số lượng âm tiết, từ tiếng Khmer có nhiều âm tiết bao gồm: một âm tiết, hai âm tiết, ba âm tiết, bốn âm tiết, năm âm tiết, sáu âm tiết, bảy âm tiết và tám âm tiết; phần lớn từ tiếng Khmer là các từ đơn tiết và song tiết, các từ có từ ba âm tiết trở lên là các từ vay mượn từ tiếng Pali-Sanskrit.

Nhìn chung, cả tiếng Stiêng và tiếng Khmer đều được các nhà nghiên cứu trên các bình diện khác nhau. Để thống nhất về cơ sở lí luận trong quá trình đối chiếu giữa hai ngôn ngữ, đối với tiếng Stiêng chúng tôi kế thừa các kết quả nghiên cứu, phân tích của các tác giả khác nhau và đặc biệt tác giả Lê Khắc Cường. Qua đó, tác giả xác định:

- Hệ thống phụ âm đầu tiếng Stiêng bao gồm 29 âm: /p-, t-, c-, k-, ʔ-, b-, d-, j-, g-, ʔb-, ʔd-, ʔj-, p'-, t'-, c'-, k'-, m-, n-, ɲ-, ŋ-, ʔm-, ʔn-, l-, r-, ʔl-, w-, s-, y-, h-/;

Còn đối với tiếng Khmer, chúng tôi cũng kế thừa kết quả nghiên cứu của các tác giả, tiêu biểu là công trình nghiên cứu của hai tác giả Jean-Michel Filippi và Hiep Chan Vicheth (2016):

- Hệ thống âm đầu, âm chính và âm cuối trong tiếng Khmer cụ thể là âm đầu gồm 21 phụ âm: /p-, p^h-, b-, t-, t^h-, d-, c-, c^h-, k-, k^h-, ʔ-, m-, n-, ɲ-, ŋ-, s-, h-, r-, β-, j-, l-/.

3. Phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Vận dụng các phương pháp, thủ pháp của ngôn ngữ học đối chiếu, trên cơ sở miêu tả hệ thống phụ âm đầu trong hai ngôn ngữ (Stiêng, Khmer), lập bảng đối chiếu nhằm tìm ra những phụ âm đơn ở vị trí đầu âm tiết tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ.

Đối với tiếng Stiêng, tư liệu nghiên cứu trong bài viết là từ đơn tiết được dùng trong văn viết và khẩu ngữ của người dân tại tỉnh Bình Phước hiện nay. Đối với tiếng Khmer, các từ đơn tiết được chọn là từ Khmer thuần, bởi vì trong từ vựng tiếng Khmer còn có các từ Pali, Sanscrit hoặc từ vay mượn khác.

4. Kết quả nghiên cứu đối chiếu phụ âm đầu của hai ngôn ngữ

4.1. Phụ âm đầu tiếng Stiêng

Theo Lê Khắc Cường, hệ thống phụ âm đầu của âm tiết chính trong tiếng Stiêng gồm 21 âm.

Bảng 1. Hệ thống phụ âm đầu tiếng Stiêng

		Môi (2 môi)	Răng-lợi (mặt lưỡi trước)	Ngạc (mặt lưỡi giữa)	Mạc (mặt lưỡi sau)	Thanh hầu
Tắc	Hữu thanh	p	t	c	k	ʔ
	Vô thanh	b	d	ʃ	g	
Tiền thanh hầu hóa		ʔb	ʔd	ʔj		
Mũi		m	n	ɲ	ŋ	
Xát		w	s			h
Xát bên			l			
Rung			r			

Bên cạnh đó, tác giả ghi nhận tại xã Lộc Hòa huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước, có các âm bật hơi như /p^h-, t^h-, c^h-, k^h-/ và /j-/. Như vậy, tổng số phụ âm đầu trong tiếng Stiêng là 26 âm.

4.2. Phụ âm đầu tiếng Khmer

Theo hai tác giả Jean-Michel Filippi và Hiep Chan Vicheth (2016) phụ âm đầu tiếng Khmer bao gồm 21 âm: /p-, p^h-, b-, t-, t^h-, d-, c-, c^h-, k-, k^h-, ʔ-, m-, n-, ɲ-, ɲ-, s-, h-, r-, β-, j-, l-/.

Bảng 2. Hệ thống phụ âm đầu tiếng Khmer

		Môi (2 môi)	Răng-lợi (mặt lưỡi trước)	Ngạc (mặt lưỡi giữa)	Mạc (mặt lưỡi sau)	Thanh hầu
Tắc	Hữu thanh	p	t	c	k	ʔ
	Vô thanh	b	d			
Bật hơi		p ^h	t ^h	c ^h	k ^h	
Tiếp cận		β		j		
Mũi		m	n	ɲ	ɲ	
Xát			s			h
Xát bên			l			
Rung			r			

4.3. Những điểm tương đồng và dị biệt

Qua mô tả hệ thống phụ âm đầu tiếng Stiêng và tiếng Khmer, ta có thể rút ra một số điểm tương đồng và dị biệt trong hai hệ thống phụ âm đầu giữa hai ngôn ngữ cụ thể như sau:

4.3.1. Những điểm tương đồng

Các phụ âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer là các phụ âm đơn hoặc tổ hợp phụ âm đảm nhận.

a. Về số lượng phụ âm

Qua đối chiếu, ta thấy có 19 phụ âm trong tiếng Stiêng tương đồng với tiếng Khmer, gồm có: /p-, t-, c-, k-, ʔ-, b-, j-, p^h-, t^h-, c^h-, k^h-, m-, n-, ɲ-, ɲ-, s-, h-, l-, r-/.

b. Về các tiêu chí khu biệt (vị trí cấu âm, phương thức cấu âm, thanh tính)

(1) Phụ âm /p-/: trong hai ngôn ngữ đều là phụ âm tắc, môi, vô thanh.

+ Tiếng Stiêng: [pe:] (số 3), [poh] (số 7, làng xóm), [pa:] (nó),...

+ Tiếng Khmer: ព័រ-[pi:] (số 2), ពង-[po:ɲ] (“trúng), ពេញ-[peɲ] (đầy),...

Trong [pe:] (số 3) và ព័រ-[pi:] (số 2), ta thấy cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc vô thanh /p-/. Như vậy phụ âm /p-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(2) Phụ âm /t-/: là phụ âm tắc, răng-lợi, vô thanh.

+ Tiếng Stiêng: [ti:] (tay), [tap] (đâm), [tieɲ] (đuôi),...

+ Tiếng Khmer: តា-[ta:] (ông), តែ-[tɛc] (ít), ទឹក-[tɔk] (nước),...

Ta thấy trong [ti:] (tay) và តា-[ta:] (ông) đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc vô thanh /t-/. Như vậy phụ âm /t-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(3) Phụ âm /c-/: là phụ âm tắc, ngạc, vô thanh.

+ Tiếng Stiêng: [cih] (viết), [ca:l] (gió), [cram]- (bấm),...

+ Tiếng Khmer: ចេះ-[ceh] (biết), ចិត្ត-[cɛt] (gần), ច្រើន-[co:ɲ] (trói, buộc),...

Trong [cih] (viết) và ចេះ-[ceh] (biết), ta thấy cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc vô thanh /c-/. Như vậy phụ âm /c-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(4) Phụ âm /k-/: là phụ âm tắc, mặc, vô thanh.

+ Tiếng Stiêng: [kaw] (hoa), [kan] (cầm), [kɔ:n] (con),...

+ Tiếng Khmer: កាន់-[kan] (cầm, nắm), កាប់-[kap] (cắt), កិត-[kət] (nghĩ),...

Ta thấy trong [kaw] (hoa) và កាន់-[kan] (cầm, nắm) đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc vô thanh /k-/. Như vậy phụ âm /k-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(5) Phụ âm /ʔ-/: là phụ âm tắc, thanh hầu, vô thanh.

+ Tiếng Stiêng: [ʔa:n] (cho, đưa), [ʔic] (muốn), [ʔɔ:] (đây, này),...

+ Tiếng Khmer: អោយ-[ʔa:j] (đây), អោយ-[ʔaɔj] (cho, đưa), អ្វី- [ʔap] (sương mù),...

Trong [ʔa:n] (cho, đưa) và អោយ-[ʔaɔj] (cho, đưa), ta thấy cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc thanh hầu /ʔ-/. Như vậy phụ âm /ʔ-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(6) Phụ âm /pʰ-/: là phụ âm tắc, môi, vô thanh, bật hơi.

+ Tiếng Stiêng: [pʰa:m] (số 8), [pʰuŋ] (sợ hãi), [pʰe:] (gạo),...

+ Tiếng Khmer: ផឹក-[pʰɛk] (uống), ផាត់-[pʰat] (thối), ផែ-[pʰe:] (cảng),...

Ta thấy trong [pʰa:m] (số 8) và ផឹក-[pʰɛk] (uống) đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc bật hơi /pʰ-/. Như vậy phụ âm /pʰ-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(7) Phụ âm /tʰ-/: là phụ âm tắc, răng-lợi, vô thanh, bật hơi.

+ Tiếng Stiêng: [tʰas] (mâm), [tʰuŋ] (can, thùng), [tʰɔ:m] (đầy),...

+ Tiếng Khmer: តែ-[tʰom] (to, lớn), ថា-[tʰa:] (nói), ថ្នាំ-[tʰnam] (thuốc),...

Trong ví dụ [tʰas] (mâm) và ថា-[tʰa:] (nói), ta thấy cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc bật hơi /tʰ-/. Như vậy phụ âm /tʰ-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(8) Phụ âm /cʰ-/: là phụ âm tắc, ngạc, vô thanh, bật hơi.

+ Tiếng Stiêng: [cʰu] (cây), [cʰe:] (sợi dây), [cʰɔk] (tóc),...

+ Tiếng Khmer: ឈើ-[cʰɔ:] (đứng), ឆេះ-[cʰeh] (cháy, khét), ខាង-[cʰəŋ] (xa),...

Ta thấy trong [cʰu] (cây) và ឈើ-[cʰɔ:] (đứng) đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc bật hơi /cʰ-/. Như vậy phụ âm /cʰ-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(9) Phụ âm /kʰ-/: là phụ âm tắc, mặc, vô thanh, bật hơi.

+ Tiếng Stiêng: [kʰaj] (trắng), [kʰo:m] (thời), [kʰo:] (quần),...

+ Tiếng Khmer: ខ្ចេ-[kʰaɛ] (trắng, thán), ឃើញ-[kʰɔ:n] (thấy), ខាត់-[kʰat] (cọ, chà),...

Trong [kʰaj] (trắng) và ខ្ចេ-[kʰaɛ] (trắng, thán), ta thấy cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc bật hơi /kʰ-/. Như vậy phụ âm /kʰ-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(10) Phụ âm /b-/: là phụ âm tắc, môi, hữu thanh.

+ Tiếng Stiêng: [ba:] (lúa), [boh] (muối), [bu:] (người ta),...

+ Tiếng Khmer: បី-[bɔj] (số 3), បួន-[buɔn] (số 4), បេះ-[bɛh] (hái),...

Ta thấy [ba:] (lúa) và បី-[bɔj] (số 3) đều có cùng âm đầu là một phụ âm tắc hữu thanh /b-/. Như vậy phụ âm /b-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(11) Phụ âm /j-/: là phụ âm tắc, ngạc, hữu thanh.

+ Tiếng Stiêng: [ji:] (đau), [jun] (nai), [ju:t] (lau, chùi),...

+ Tiếng Khmer: យើង-[jɔ:ŋ] (chúng ta), យប់-[jup] (tối, đêm), យល់-[jɔl] (hiểu),...

Trong [ji:] (đau) và ឃើង-[jə:ŋ] (chúng ta), ta thấy cả hai đều có cùng âm đầu là một phụ âm hữu thanh /j-/. Như vậy phụ âm /j-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(12) Phụ âm /m-/: là phụ âm mũi, môi.

+ Tiếng Stiêng: [mas] (vàng), [mɔ:m] (cha), [mi:] (mưa),...

+ Tiếng Khmer: មួយ-[muɔj] (số 1), ម៉ែ-[mae] (mẹ), មាត់-[moat] (miệng),...

Ta thấy [mas] (vàng) và មួយ-[muɔj] (số 1) đều có cùng âm đầu là một phụ âm mũi /m-/. Như vậy phụ âm /m-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(13) Phụ âm /n-/: là phụ âm mũi, răng-lợi.

+ Tiếng Stiêng: [nɛ:ŋ] (nanh), [nus] (giận), [na:] (nỏ),...

+ Tiếng Khmer: នឹង-[nəŋ] (và, với), នេះ-[nih] (này, đây), នាំ-[nuh] (kia, nọ),...

Trong [nɛ:ŋ] (nanh) và នឹង-[nəŋ] (và, với), ta thấy cả hai đều có cùng âm đầu là một phụ âm mũi /n-/. Như vậy phụ âm /n-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(14) Phụ âm /ɲ-/: là phụ âm mũi, ngạc.

+ Tiếng Stiêng: [ɲi:] (nhà), [ɲe:t] (uống), [ɲiem] (khói),...

+ Tiếng Khmer: ឆ្អឹង-[ɲi:] (giống cái), ឆ្អាំ-[ɲam] (ăn), ឆ្អាំ-[ɲo:] (trái nhau),...

Ta thấy [ɲi:] (nhà) và ឆ្អឹង-[ɲi:] (giống cái), cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm mũi /ɲ-/. Như vậy phụ âm /ɲ-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(15) Phụ âm /ŋ-/: là phụ âm mũi, mặt.

+ Tiếng Stiêng: [ŋɔ:j] (sáng), [ŋa:j] (xa), [ŋwi:] (rộng),...

+ Tiếng Khmer: ងាប់-[ŋoap] (chết), ងូត-[ŋu:t] (tắm), ងាយ-[ŋiɔj] (đơn giản, dễ dàng),...

Trong [ŋa:j] (xa) và ងាប់-[ŋoap] (chết), ta thấy cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm mũi /ŋ-/. Như vậy phụ âm /ŋ-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(16) Phụ âm /s-/: là phụ âm xát, răng-lợi, vô thanh.

+ Tiếng Stiêng: [so:ŋ] (ăn), [saw] (chó), [so:r] (heo),...

+ Tiếng Khmer: ស៊ី-[si:] (ăn), ស-[sa:] (trắng), សើច-[sazɕ] (cười),...

Ta thấy [so:ŋ] (ăn) và ស៊ី-[si:] (ăn), cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm xát /s-/. Như vậy phụ âm /s-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(17) Phụ âm /h-/: là phụ âm xát, thanh hầu, vô thanh.

+ Tiếng Stiêng: [hɔ:k] (ói), [han] (đi), [he:] (tôi),...

+ Tiếng Khmer: ហែល-[hael] (bơi), ហើរ-[haɜ] (bay), ហូរ-[hoo] (chảy),...

Trong [han] (đi) và ហែល-[hael] (bơi), ta thấy cả hai ví dụ đều có cùng âm đầu là một phụ âm thanh hầu /h-/. Như vậy phụ âm [h-] cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(18) Phụ âm /l-/: là phụ âm xát bên, răng-lợi, vang.

+ Tiếng Stiêng: [liep] (ném), [lah] (nói), [lek] (thiến),...

+ Tiếng Khmer: លេង-[le:ŋ] (chơi), លឿង-[liɔŋ] (màu vàng), លាន-[liɜn] (triệu)...

Ta thấy [lah] (nói) và លេង-[le:ŋ] (chơi) đều có cùng âm đầu là một phụ âm xát bên /l-/. Như vậy phụ âm /l-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

(19) Phụ âm /r-/: là phụ âm rung, răng-lợi, vang.

+ Tiếng Stiêng: [re:] (boi lội), [ruoj] (ruồi), [raw] (rửa),...

+ Tiếng Khmer: រ៉ូម-[ro:m] (lông vũ), រ៉ុះ-[ru:h] (sống), រ៉ុះ-[ri:n] (học),...

Trong [raw] (rửa) và រ៉ុះ-[ri:n] (học), ta thấy cả hai ví dụ có cùng âm đầu là phụ âm rung /r-/. Như vậy phụ âm /r-/ cùng đảm nhận vị trí âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer.

Cả tiếng Stiêng và tiếng Khmer đều có các tổ hợp phụ âm xuất hiện ở vị trí âm đầu. Chẳng hạn như: /tr-/, /kr-/, /k^hw/, /pr/, /t^hl/,...

+ Tiếng Stiêng: [tro:k] (trời), [kruon] (nhăn), [k^hwah] (thiếu), [prak] (tiền),...

+ Tiếng Khmer: ត្រីម-[t^hla:m] (gan), ត្រី-[trej] (cá), ត្រី-[prej] (rừng), ត្រីម-[kri:m] (khô),...

Tóm lại, dựa vào kết quả thống kê, tác giả lập bảng đối chiếu như sau:

Bảng 3. Các phụ âm đầu tiếng Stiêng tương đồng với tiếng Khmer

Stt	Phụ âm đầu	Phiên âm từ tiếng Stiêng	Phiên âm từ tiếng Khmer
1	/p-/	[pe:] - số 3	ពីរ [pi:] - số 2
2	/t-/	[ti:] - tay	តា [ta:] - ông
3	/c-/	[cih] - viết	ចេះ [ceh] - biết
4	/k-/	[kaw] - hoa	កាន់ [kan] - cầm, nắm
5	/ʔ-/	[ʔa:n] - cho, đưa	អោយ [ʔaɔj] - cho, đưa
6	/b-/	[ba:] - lúa	បី [bɔj] - số 3
7	/j-/	[ji:] - đau	យើង [jɔ:ŋ] - chúng ta
8	/p ^h -/	[p ^h a:m] - số 8	ផឹក [p ^h ɔk] - uống
9	/t ^h -/	[t ^h as] - mâm	ថា [t ^h a:] - nói
10	/c ^h -/	[c ^h u] - cây	ឈរ [c ^h ɔ:] - đứng
11	/k ^h -/	[k ^h aj] - trắng	ខែ [k ^h æ] - trắng, tháng
12	/m-/	[mas] - vàng	មួយ [muɔj] - số 1
13	/n-/	[nɛ:ŋ] - nanh	នឹង [nɛŋ] - và, với
14	/p-/	[pi:] - nhà	ពី [pi:] - giống cái
15	/ŋ-/	[ŋa:j] - xa	ហៅ [ŋoap] - chết
16	/s-/	[so:ŋ] - ăn	ស៊ី [si:] - ăn
17	/h-/	[han] - đi	ហៅ [haɛl] - bơi
18	/l-/	[lah] - nói	លេង [le:ŋ] - chơi
19	/r-/	[raw] - rửa	រស់ [ru:h] - sống

Ngoài ra, tiếng Stiêng có phụ âm tắc /b/ có khi được sử dụng luân phiên với phụ âm môi - môi /β/, ví dụ: [ba] - [β] (lúa), [bok] - [βok] (đầu). Do âm /β/ trong tiếng Khmer cũng là môi - môi.

2.3.2. Điểm khác biệt

a. Về số lượng

Điểm khác biệt cơ bản về âm đầu trong tiếng Stiêng với tiếng Khmer là số lượng phụ âm đầu trong tiếng Stiêng nhiều hơn tiếng Khmer; và hoàn toàn không có âm tắc hữu thanh tiền thanh hầu hóa trong tiếng Khmer bao gồm: /ʔb-/, /ʔd-/, /ʔj-/.

b. Về các tiêu chí khu biệt

- Phụ âm /ʔb-/: Là phụ âm tắc, môi-môi, hữu thanh, tiền thanh hầu hóa. Ví dụ: [ʔblik] (chóp), [ʔbun] (không, đầu), [ʔbɔʔ] (không, đầu), [ʔbluk] (ngà), [ʔblu:] (đùi),...

- Phụ âm /ʔd-/: Là phụ âm tắc, lợi, hữu thanh, tiền thanh hầu hóa. Ví dụ: [ʔdah] (phía, hướng), [ʔda:p] (kéo), [ʔdo:k] (nhỏ),...

- Phụ âm /ʔj-/ : Là phụ âm tắc, ngạc, hữu thanh, tiền thanh hầu hóa. Ví dụ: [ʔjɛɛ] (lò ô), [ʔjheːn] (may), [ʔjhuː] (gây, cháy),...

Bảng 4. Các phụ âm đầu chỉ xuất hiện trong tiếng Stiêng

Stt	Phụ âm đầu	Phiên âm từ tiếng Stiêng	Nghĩa
1	/ʔb-/	[ʔbun]	Không, đâu
2	/ʔd-/	[ʔdah]	Phía, hướng
3	/ʔj-/	[ʔjheːn]	May

5. Kết luận

Bằng cách tổng hợp các dữ liệu về hệ thống phụ âm đầu trong tiếng Stiêng và tiếng Khmer trong các công trình đã xuất bản, tác giả tiến hành đối chiếu từng phụ âm đầu xuất hiện trong từ đơn tiết ở hai ngôn ngữ. Lưu ý rằng nghiên cứu này chỉ tập trung vào các phụ âm đầu đơn lẻ chứ chưa đề cập nhiều đến cụm âm (consonant clusters). Kết quả nghiên cứu đã cho thấy những phụ âm đầu tương tự giữa hai ngôn ngữ, cũng như những phụ âm đầu chỉ xuất hiện trong tiếng Stiêng hoặc Khmer. Với mục đích đóng góp vào quá trình nghiên cứu ngôn ngữ, dạy và học tiếng nên tác giả hi vọng góp phần giảm bớt những e ngại khi tiếp cận tiếng Khmer của người Stiêng hoặc ngược lại, tiếp cận tiếng Stiêng của người Khmer. Điều này chắc chắn sẽ tăng cường thêm quan hệ gắn bó giữa hai dân tộc ở Việt Nam, đặc biệt là tỉnh Bình Phước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Khắc Cường, *Phương ngữ tiếng Stiêng*, Phát triển Khoa học và Công nghệ, số X2-2015, tr.31-42, 2015.
2. Lý Tùng Hiếu, *Sử dụng thống nhất, hiệu quả ngôn ngữ S'tiêng trên các phương tiện truyền thông và giáo dục; Thực tiễn và giải pháp*, Khoa học xã hội Tây Nguyên, số 2, tr.23-34, 2021.
3. Nguyễn Thị Kiều Tiên, Thạch Sê Ha, *So sánh âm vị tiếng Khmer - Việt trên bình diện từ vựng*, (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Trà Vinh, 2013.
4. Nguyễn Thị Thoa, *Phương ngữ tiếng Khmer Đồng bằng sông Cửu Long - Trường hợp tỉnh Trà Vinh*, Nxb Khoa học xã hội, 2016.
5. Nguyễn Thị Thu Trang, *Phương ngữ tiếng Stieng*, Khoá luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

Tiếng nước ngoài

1. Bon, N., *Phonology of the Stieng language: a rime study*, Journal of the Southeast Asian Linguistics Society, 3-2, 22-48, 2010.
2. Haupers, R., *Stieng phonemes*, Mon-Khmer Studies, 131-137, 1969.
3. Huffman, F.E., *Cambodian system of writing and begining readers with drills and glosssary*, Yale University Press, New Haven, 1970.
4. Jean-Michel Filippi và Hiep Chan Vicheth, *វគ្គនាស្ត្រក្រុមបញ្ចេញសូល្លងសាសាខ្មែរ*, Pnom Penh, 2016.
5. Kirby, J. P., & Giang, D. L., *On the R>H shift in Kien Giang Khmer*, Journal of the Southeast Asian Linguistics Society, 10(2), 66-85, 2017.
6. Miller, Vera Grace, *An overview of Stiêng grammar*, Work Papers of the Summer Institute of Linguistics, University of North Dakota Session: Vol. 20, Article 7, 1976.
7. *Overview on Khmer Language*. (n.d.). Retrieved 6 10, 2022, from http://seasite.niu.edu/khmer/overview/overview_set.htm
8. Sok, M. & Adams, L., *Phonological principles and automatic phonemic and phonetic*, Proceedings of the 30th Pacific Asia Conference on language, information and Computation, pp. 417-424, 2016.